

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trương Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông B, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt ngày 12/7/2021).

- Bị đơn: Bà C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2021, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn, ông B trình bày: Ông và bà C xây dựng hôn nhân năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 15/3/2008. Ông và bà C chung sống có một con chung tên D, sinh ngày 11/01/2008, hiện đang sống chung với ông và bà C tại ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng ông chung sống không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, bà C không trung thực trong tiền bạc, thường xuyên chơi số đề ông đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cự cãi và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà C, không yêu cầu đoàn tụ; yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, sinh ngày 11/01/2008, không yêu

cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2021, bị đơn bà C, trình bày: Bà và ông B xây dựng hôn nhân năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 15/3/2008. Bà và ông B chung sống có một con chung tên D, sinh ngày 11/01/2008, hiện đang sống chung với bà và ông B tại ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng bà chung sống không có tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống do ông B thường xuyên nghi ngờ bà chơi số đề dẫn đến cự cãi và đã được gia đình hai bên hàn gắn, hiện tại bà và ông B vẫn còn sống chung với nhau. Bà không đồng ý ly hôn vì con đã lớn, muốn vợ chồng cùng chung sống lo cho con ăn học. Trường hợp Tòa án vẫn giải quyết cho bà và ông B ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu D, sinh ngày 11/01/2008, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà C. Xử cho ông B được ly hôn với bà C. Con chung giao cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không có. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ông B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bà C, bà C đang cư trú tại ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Ông B và bà C xây dựng hôn nhân năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 15/3/2008 nên hôn nhân giữa ông B và bà C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, có sự nghi ngờ về tiền bạc, không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, nghi ngờ, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng đã không thể hàn gắn tình cảm.. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ lẫn chồng, cùng nhau chăm sóc, yêu thương nhau nhưng ở đây ông B và bà C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà C.

[3.2] Về con chung: Ông B và bà C có một con chung tên D, sinh ngày 11/01/2008, hiện đang sống chung với bà và ông B tại ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Cả ông B và bà C đều có nguyện vọng được nuôi con khi ông bà ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu D và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/02/2021, cháu D có nguyện vọng được sống chung với cha là ông B khi ông B và bà C ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu D, sinh ngày 11/01/2008 cho ông B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện nay cháu D đang sống chung với ông B nên tiếp tục giao cháu D cho ông B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà C xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông B phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà C. Xử cho ông B được ly hôn với bà C.

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 11/01/2008 cho ông B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu D, sinh ngày 11/01/2008 đang sống chung với ông B nên ông B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, sinh ngày 11/01/2008.

Ông B không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Ông B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008543 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã G, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến